

Nhận thức về kinh tế cổ phần, vai trò, xu hướng vận động của nó trong nền kinh tế thị trường hiện nay

NGUYỄN HỮU ĐẠT

*T*rong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế quốc tế và Việt Nam trở thành thành viên của WTO, việc nhận thức rõ về kinh tế cổ phần, vai trò, xu hướng vận động của nó nhằm tiếp tục thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là yêu cầu tất yếu. Đó cũng là nội dung chính của bài viết này.

1. Về kinh tế cổ phần

1.1. Kinh tế cổ phần là sản phẩm tất yếu của quá trình xã hội hóa sở hữu trong điều kiện kinh tế thị trường

Nghiên cứu lý luận về kinh tế cổ phần, vấn đề mấu chốt nhất cần được lý giải là kinh tế cổ phần từ đâu mà ra, nó dựa trên tất yếu kinh tế nào?. Từ nghiên cứu thực tiễn hình thành, phát triển của kinh tế cổ phần trên thế giới và những quan điểm về kinh tế cổ phần của các tác giả thuộc các quốc gia khác nhau, chúng tôi cho rằng: *về nguồn gốc, kinh tế cổ phần là sản phẩm tất yếu của tiến trình xã hội hóa sở hữu tư nhân dưới tác động của sự phát triển lực lượng sản xuất và cơ chế thị trường.*

Lực lượng sản xuất xã hội hóa càng cao trong điều kiện nền kinh tế thị trường càng phát triển thì kinh tế cổ phần càng trở thành phổ biến. Sự phát triển này phản ánh tính quy luật trong quá trình xã hội hóa của nền sản xuất xã hội. Nghĩa là, dù những mô hình kinh tế thị trường thuộc các quốc gia là khác nhau về định hướng thì rốt cuộc, nó vẫn tự sản sinh ra kiểu tổ chức kinh tế dạng cổ phần như một sản phẩm trực tiếp của chính quá trình vận động đó.

Lịch sử cho thấy, quá trình xã hội hóa sở hữu gắn liền với sự phát triển nền sản xuất và trao đổi hàng hóa. Sự tan rã của sở hữu công xã cùng với sự phát triển sức sản xuất của các cá nhân đã làm cho năng suất lao động tăng lên, và nhờ có trao đổi mà cá nhân người lao động được tách biệt tương đối về mặt kinh tế ra khỏi công xã. Trao đổi (biểu hiện của kinh tế hàng hóa, bản chất của kinh tế thị trường) đã thực hiện thúc đẩy hai nhiệm vụ tự nó là: *một mặt*, giải thể sở hữu công xã thành sở hữu cá nhân và dần dần là sở hữu tư nhân độc lập; *mặt khác*, lại gắn kết ngày càng chặt chẽ các sở hữu tư nhân độc lập với nhau trong một hệ thống phân công lao động xã hội.

Trong nền sản xuất hàng hóa, sở hữu xã hội mang hình thái sở hữu công xã trước đây giờ được biểu hiện là hệ thống phân công lao động, còn các mắt khâu của hệ thống đó là những cá thể chiếm hữu thực tế các điều kiện khách quan của lao động và sản phẩm làm ra thuộc về họ như những người sở hữu tư nhân. Cũng từ đó, lịch sử chuyển sang giai đoạn phát triển khác hẳn về chất, từ nền sản xuất tự cấp tự túc (mà mục đích là tạo ra sản phẩm thỏa mãn nhu cầu trực tiếp

Nguyễn Hữu Đạt, TS., Viện Kinh tế Việt Nam.

của người sản xuất), chuyển thành nền sản xuất hàng hóa (để thỏa mãn nhu cầu của người khác - của xã hội) lấy việc sản xuất ra giá trị trao đổi nhằm mục đích giá trị và tăng thêm giá trị.

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội hướng vào giá trị trao đổi và thông qua trao đổi hàng hóa đã buộc những người sản xuất tư nhân độc lập không thể tự mình sản xuất ra tất cả mọi thứ để tiêu dùng như trước được nữa. Trong guồng máy của nền kinh tế, họ là những mắt khâu độc lập của hệ thống phân công lao động xã hội và họ phải luôn trao đổi sản phẩm của mình để tiếp tục duy trì sự tồn tại với tư cách là những người sở hữu. Nhưng cũng từ đó, sự tồn tại sở hữu của họ ngày càng trở nên mong manh do quy luật giá trị và cạnh tranh chi phối. Phụ thuộc vào thị trường, họ có thể tái sản xuất mở rộng, thậm chí không đủ tái sản xuất như cũ, bị phá sản và sở hữu nhỏ của họ cũng không còn.

Quá trình chuyển hóa sở hữu diễn ra suốt thời kỳ tiền chủ nghĩa tư bản, khi của cải bằng tiền dần tập trung trong tay thương nhân và đến chủ nghĩa tư bản thì nó diễn ra mạnh mẽ chưa từng thấy. Nó không chỉ phân hóa giàu nghèo, tách mọi lao động ra khỏi mọi sở hữu, mà ngày càng chuyển hóa thành quá trình chiếm hữu tư bản chủ nghĩa toàn bộ các điều kiện khách quan của lao động, đẩy lao động ra khỏi quá trình chiếm hữu thực tế và trở thành tự do đối với mọi sở hữu. Sự xuất hiện lao động làm thuê đã làm cho sản xuất và trao đổi hàng hóa đạt đến trạng thái điển hình của chủ nghĩa tư bản. Sự vận động của sở hữu những người sản xuất hàng hóa nhỏ ngày càng bị thay thế bởi sự vận động của sở hữu tư bản chủ nghĩa. Sự vận động xã hội hóa sở hữu đó không phải là sự vi phạm quy luật mà trái lại, hoàn toàn tuân theo quy luật khách quan của sự trao đổi ngang giá - quy luật giá trị.

Như vậy, thông qua trao đổi, quá trình vận động lịch sử của sở hữu chuyển hóa theo xu hướng: *một mặt*, tư liệu sản xuất ngày càng tách ra khỏi bản thân người lao động -

do sản phẩm lao động ngày càng biến thành những giá trị trao đổi không ngừng thoát khỏi sự chi phối trực tiếp của người lao động như là người sở hữu; *mặt khác*, thông qua trao đổi, các tư liệu sản xuất ngày càng tập trung lại như một quá trình xã hội hóa, chịu sự thống trị của tư bản (lúc ban đầu là tư bản thương nghiệp, về sau là tư bản công nghiệp, rồi tư bản tài chính). Thông qua sự tác động của quy luật giá trị, quá trình xã hội hóa sở hữu được thực hiện. Như thế, kinh tế thị trường càng phát triển, quá trình xã hội hóa sở hữu càng diễn ra mạnh mẽ. Chính sự tác động đó làm cho những hình thức sở hữu thuần túy dần biến thành những hình thái phủ định chính bản thân nó thông qua sự tự vận động bên trong quan hệ sở hữu đó dưới sự tác động của lực lượng sản xuất. Theo đó, sở hữu công hữu kiểu công xã nguyên thủy bị phủ định bởi tư hữu và đến lượt nó, tư hữu lại bị xã hội hóa và phủ định chính nó. Quá trình xã hội hóa sở hữu đã dẫn đến hệ quả của nó là sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền kinh doanh dựa trên sự phát triển của tín dụng. Chính sự tách biệt này là tiền đề kinh tế khách quan cho sự hình thành các tổ chức kinh doanh mang tính cổ phần hay kinh tế cổ phần.

Trong điều kiện phát triển lực lượng sản xuất đủ chín muồi để thúc đẩy sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng (sản xuất kinh doanh), thì khi đó tất yếu nảy sinh các tổ chức hoạt động theo kiểu cổ phần. Chừng nào còn sự tách biệt đó và sự tách biệt đó còn có ý nghĩa đối với việc thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển thông qua vai trò của kinh tế thị trường để tiếp tục thúc đẩy xã hội hóa lực lượng sản xuất, thì chừng đó kinh tế cổ phần còn phát triển. *Sở hữu cổ phần là hình thái đầu tiên của quá trình phủ định tư hữu tư nhân, biến sở hữu tư nhân thuần túy dần mang tính xã hội. Quá trình phủ định còn tiếp tục phát triển khi sở hữu tư nhân bị phủ định hoàn toàn bởi chính sự vận động của nó để trở thành công hữu phát triển cao về chất.*

Theo sự xã hội hóa của lực lượng sản xuất và sở hữu thì kinh tế cổ phần ngày càng trở nên phổ biến. Xu hướng phát triển này là không thể ngăn cản. Như vậy, *kinh tế cổ phần là loại hình kinh tế được hình thành dựa vào góp vốn cổ phần của nhiều chủ thể (cổ đông) trên cơ sở có sự tách quyền sở hữu vốn với quyền sử dụng vốn, hình thành pháp nhân mới độc lập có quyền tài sản riêng để chủ động sản xuất kinh doanh; kinh tế cổ phần có cấu trúc sở hữu hỗn hợp, mang tính xã hội hóa cao với đặc trưng liên kết vốn là chính, chi phối các liên kết khác trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; kinh tế cổ phần được biểu hiện qua nhiều loại hình doanh nghiệp, phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội hóa trong nền kinh tế thị trường.*

1.2. Hình thức biểu hiện của kinh tế cổ phần trong nền kinh tế

Kinh tế cổ phần, về mặt lịch sử nó đã ra đời trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và phát triển mạnh từ thế kỷ XIX dưới nhiều hình thức và quy mô khác nhau. Khái niệm doanh nghiệp cổ phần, công ty cổ phần, những tổ chức sản xuất kinh doanh đa chủ sở hữu nói chung, chưa nói lên những doanh nghiệp đó thuộc thành phần kinh tế nào. Nó có thể thuộc thành phần kinh tế khác nhau nếu nền kinh tế đó được phân định thành các thành phần kinh tế theo một tiêu chí nhất định nào đó, chẳng hạn theo tiêu chí sở hữu. Tùy theo hình thức sở hữu chi phối trong doanh nghiệp mà chúng có thể thuộc về một thành phần kinh tế nhất định nào đó. Tuy nhiên, nếu không có hình thức sở hữu chi phối thì không nhất thiết nó thuộc thành phần kinh tế nào, mà chỉ là bộ phận của nền kinh tế thị trường.

Trong kinh tế cổ phần, cần phân biệt: đa sở hữu và đa chủ sở hữu. Đa sở hữu là chỉ nói về hình thức sở hữu, còn đa chủ sở hữu là nói cả chủ sở hữu gắn với hình thức sở hữu.

Kinh tế cổ phần có cấu trúc sở hữu đa dạng và chủ sở hữu cũng đa dạng với các loại hình: các công ty cổ phần, công ty liên

doanh với nước ngoài, công ty nhà nước có cổ phần chi phối, hợp tác xã cổ phần, công ty cổ phần niêm yết ở sàn giao dịch chứng khoán.v.v.

Doanh nghiệp cổ phần đa sở hữu có thể có trong nhiều hình thức sở hữu tạo nên cơ cấu sở hữu của doanh nghiệp, trong đó hình thức sở hữu chi phối quyết định việc doanh nghiệp đó thuộc thành phần kinh tế nào, nhưng cũng có thể chỉ có trong một hình thức sở hữu.

Doanh nghiệp cổ phần đa chủ sở hữu có trong một hình thức sở hữu lại có thể bao gồm nhiều loại. Có loại cổ đông là tư nhân thuộc thành phần kinh tế tư nhân, trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thì đó chính là tư bản tập thể hay tư nhân tập thể. Vậy loại này thuộc hình thức tư nhân. Đó là tư nhân tập thể thay vì tư nhân cá thể. Nếu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì doanh nghiệp cổ phần đa chủ sở hữu mà các chủ thể sở hữu là những tư nhân - được xem là của tư nhân, nhưng xét về hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh thì chúng thuộc kinh tế cổ phần.

Doanh nghiệp cổ phần đa chủ sở hữu có trong nhiều hình thức sở hữu cũng bao gồm nhiều loại. Có loại cổ đông gồm những nhà tư bản và những người lao động, nhưng nếu do hình thức sở hữu tư nhân chi phối thì thuộc kinh tế tư nhân. Có loại cổ đông nhà nước, nhưng nếu sở hữu của nhà nước chi phối thì nó thuộc kinh tế nhà nước. Có loại cổ đông gồm nhà nước, người lao động và tư nhân, như những doanh nghiệp cổ phần đã hình thành trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam hay Trung Quốc trong thời gian qua.

Về mặt lý luận, không phải doanh nghiệp cổ phần nào gồm ba chủ sở hữu như vậy cũng đều là doanh nghiệp nhà nước, mà có thể thuộc các thành phần kinh tế khác, tùy theo hình thức sở hữu nào chi phối trong cơ cấu sở hữu của các doanh nghiệp đó.

Nếu cổ phần hóa mà sau đó trong cơ cấu sở hữu của doanh nghiệp thuộc về chủ thể

tư nhân chi phối, thì việc cổ phần hóa đó được xem như là một cách tư nhân hóa. Thay vì tư nhân hóa một cách ồ ạt thì đó là một cách tư nhân hóa dần dần. Vấn đề ở chỗ, sở hữu nào chi phối trong cơ cấu sở hữu của doanh nghiệp thì xếp vào thành phần kinh tế đó. Doanh nghiệp cổ phần hóa có nhiều hình thức tổ chức kinh doanh rất phong phú và có nhiều biến động. Có thể trong thời điểm này thì nó thuộc thành phần kinh tế nhà nước, nhưng có thể thời điểm khác nó thuộc thành phần kinh tế tư nhân, nếu chủ thể chi phối sở hữu trong doanh nghiệp đó thay đổi vì những nguyên nhân khác nhau. Có những trường hợp khó xếp vào thành phần kinh tế nào. Thường thì các nhà nghiên cứu lấy tiêu chí hình thức sở hữu chi phối để phân định thành phần kinh tế. Tuy nhiên, vì nó có sự biến động, nên cần tránh máy móc khi áp dụng tiêu chí để phân định thành phần cho kinh tế cổ phần.

Trong nền kinh tế thị trường, vốn xã hội dành cho sản xuất kinh doanh được lưu thông trên bình diện toàn bộ nền kinh tế, trong mọi tầng lớp dân cư, nhiều người dân, cả những người lao động có tài sản, tham gia đầu tư, sở hữu cổ phiếu. Hầu hết các doanh nghiệp cổ phần, sớm hay muộn đều tham gia thị trường chứng khoán và tùy theo diễn biến của thị trường chứng khoán mà thay đổi chủ sở hữu, thậm chí là cả hình thức sở hữu trong cơ cấu sở hữu của doanh nghiệp. Do yêu cầu mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ, yêu cầu tập trung những khoản vốn lớn đã hình thành những công ty cổ phần, những tập đoàn tư bản cổ phần tư nhân tập thể xuyên quốc gia. Lịch sử hình thành và phát triển các công ty cổ phần đã trải qua một thời gian dài, gắn liền với sự phát triển của lực lượng sản xuất trong văn minh công nghiệp và từ văn minh công nghiệp sang văn minh tri thức trong sự chuyển hóa của chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa tư bản đế quốc và chủ nghĩa tư bản hiện đại. Doanh nghiệp cổ phần là sản phẩm của việc sử dụng cơ chế thị trường và do đó góp phần hình thành nên kinh tế thị trường.

Nếu quy gọn lại, kinh tế cổ phần chỉ gồm có doanh nghiệp cổ phần hay cơ bản là doanh nghiệp cổ phần thì *kinh tế cổ phần là kết quả tất yếu của văn minh nhân loại do sự phát triển của lực lượng sản xuất theo cơ chế thị trường*. Tuy nhiên, trong thực tiễn nền kinh tế thế giới hiện nay, thuộc loại hình kinh tế cổ phần, ngoài các công ty cổ phần còn bao gồm nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh khác như: hợp tác xã cổ phần, các doanh nghiệp liên doanh. Với các doanh nghiệp liên doanh, về cấu trúc sở hữu cũng bao gồm các chủ thể khác nhau, mỗi chủ thể chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi tỷ lệ vốn góp của mình. Các doanh nghiệp liên doanh có những đặc thù khác với doanh nghiệp tư nhân thuần túy hay doanh nghiệp nước ngoài thuần túy.

Với các hợp tác xã cổ phần thì có đặc điểm: 1) về cách thức hình thành vốn của hợp tác xã cũng thể hiện tính cổ phần: các thành viên hợp tác xã được tập hợp trên cơ sở tự nguyện góp vốn cổ phần; 2) về cách thức hoạt động thì theo quy chế hợp tác xã: lấy mục tiêu giúp đỡ các xã viên phát triển chứ không phải theo đuổi mục tiêu lợi nhuận là tối thượng; biểu quyết của mọi xã viên có giá trị như nhau không tùy thuộc vào số lượng cổ phần nhiều hay ít của mỗi người; thay vì phân lợi nhuận sinh ra đáng lẽ được chia cho các cổ đông nếu như đó là công ty cổ phần, thì hợp tác xã chủ yếu giữ lại tạo lập nguồn vốn không chia, nguồn vốn này chỉ đem chia khi tuyên bố giải thể hợp tác xã. Tuy nhiên, trên thực tế có hình thức phái sinh nữa, đó là: các thành viên hợp tác xã hoặc một số ít thành viên của hợp tác xã tập hợp vốn góp để hình thành một hợp tác xã mới, hợp tác xã mới này lại kêu gọi các chủ thể bên ngoài góp vốn với hợp tác xã thành lập công ty. Đây là hình thức công ty cổ phần, nhưng hoạt động vừa giống với công ty cổ phần, vừa mang hình thức hợp tác xã. Sở dĩ có hình thức này là vì trên thực tế và điều này là phổ biến, rằng các hợp tác xã khi phát triển thì cần thêm vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhưng

không giống như các công ty cổ phần, các hợp tác xã không được phát hành cổ phiếu ra công chúng để huy động vốn mà chỉ có thể huy động của xã viên, điều này làm hạn chế khả năng của các hợp tác xã khi muốn mở rộng sản xuất kinh doanh hoặc chuyển hướng kinh doanh, do đó, các hợp tác xã thành lập ra những công ty mới như vậy để có thể huy động vốn sản xuất kinh doanh (bằng cách kêu gọi cổ đông và huy động vốn ngoài công chúng). Lẽ dĩ nhiên, các hợp tác xã cổ phần kiểu phái sinh như vậy cũng có thể biến đổi nếu khi cấu trúc sở hữu của công ty phái sinh thay đổi. Nó có thể chuyển hóa từ hợp tác xã, hoặc liên minh hợp tác xã thành các công ty cổ phần thuần túy hoặc công ty tư nhân, một khi chủ thể sở hữu không còn như cũ nữa.

Từ phân tích nêu trên, có thể khái quát cấu trúc của kinh tế cổ phần như sau:

• *Kinh tế cổ phần bao gồm:*

1). Các doanh nghiệp cổ phần (đây là bộ phận cơ bản, chiếm tỷ trọng lớn về số lượng cũng như quy mô vốn của kinh tế cổ phần); và

2). Các tổ chức sản xuất kinh doanh mang tính cổ phần: các hợp tác xã cổ phần, các doanh nghiệp hoặc công ty được hình thành bằng con đường liên doanh với các chủ thể trong và ngoài nước.

Như vậy, nếu tiếp cận theo góc độ kinh tế cổ phần thì có thể xác định các doanh nghiệp liên doanh, các loại hình kinh tế tư bản nhà nước cũng có thể được xếp vào khu vực kinh tế cổ phần, bởi đây không gì khác ngoài hình thức liên kết vốn giữa các chủ thể - lẽ dĩ nhiên, trong đó có liên kết giữa tư nhân với tư nhân và giữa tư nhân với nhà nước. Nhưng dù là hình thức nào thì tính chất đơn nhất của sở hữu đã bị biến thái thành tính chất xã hội của sở hữu. Điều này sẽ tốt cho quá trình thực hiện xã hội hóa sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

• *Kinh tế cổ phần được phân định với các khu vực kinh tế khác bởi hai tiêu chí:*

1). Tiêu chí sở hữu; và

2). Tiêu chí cách thức tổ chức sản xuất kinh doanh (về cơ bản là hình thức huy động vốn và trách nhiệm của chủ thể sở hữu).

Đây là cách tiếp cận tổng hợp về phân định kinh tế cổ phần theo cấu trúc, khác với phân định nền kinh tế theo tiêu chí sở hữu.

2. Về chế độ cổ phần

Khi đề cập tới chế độ cổ phần thực chất là đề cập tới hệ thống cơ chế, chính sách, luật pháp thành văn quy định và điều chỉnh sự hình thành và phát triển của kinh tế cổ phần nói riêng và các quan hệ kinh tế liên quan giữa kinh tế cổ phần với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Như vậy, *chế độ cổ phần xét một cách khái quát là sự thể chế hóa các quan hệ kinh tế liên quan đến sự hoạt động của kinh tế cổ phần thành luật pháp và cơ chế, nhằm đảm bảo sự vận động đó phù hợp với mục tiêu kinh tế - xã hội của quốc gia.*

Việc xác lập chế độ cổ phần là nhu cầu tất yếu nhằm tạo hành lang pháp lý cho kinh tế cổ phần vận động và phát triển.

Chế độ cổ phần phản ánh tính lịch sử cụ thể của kinh tế cổ phần phù hợp với trình độ nền kinh tế - xã hội trong điều kiện nhất định. Điều đó có nghĩa, việc thiết lập chế độ cổ phần phải phù hợp với thực tế sự vận động của kinh tế cổ phần trong những hoàn cảnh cụ thể. Chế độ cổ phần có tính ổn định nhưng nó không thể là một cấu trúc bất biến, nó cần có sự điều chỉnh theo sự vận động của thực tế.

Kinh tế cổ phần là sự phát triển khách quan của quá trình xã hội hóa sở hữu trong điều kiện kinh tế thị trường; nhưng chế độ cổ phần là sản phẩm của ý chí chủ quan của Nhà nước. Do đó, chế độ cổ phần có thể phù hợp với thực tế phát triển của quan hệ kinh tế trong khu vực kinh tế cổ phần, nhưng cũng có thể không phù hợp. Muốn có sự phù hợp, thì chế độ cổ phần phải phản ánh đúng sự vận động và phát triển của kinh tế cổ phần trong điều kiện tương ứng.

Tiếp cận theo quan niệm của kinh tế học thể chế¹, thì chế độ cổ phần là hệ thống những thể chế và thiết chế được tạo lập bởi chính phủ hoặc của bản thân các chủ thể sản xuất kinh doanh thuộc kinh tế cổ phần, nhằm tác động và điều chỉnh hoạt động của khu vực kinh tế cổ phần.

Như vậy, một chế độ cổ phần bao gồm hai cấu trúc:

1) Cấu trúc thể chế điều chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh của kinh tế cổ phần.

Đó là hệ thống thể chế, trước hết là của các chính phủ ban hành nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tác động vào hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực kinh tế cổ phần. Các thể chế này bao gồm những quy định mang tính luật chơi trong quá trình hoạt động của các tổ chức thuộc kinh tế cổ phần. Đó là những văn bản pháp quy do cơ quan hợp pháp ban hành, có chức năng thực hiện việc quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Các cơ quan này thực hiện chức năng kinh tế của nhà nước đối với nền kinh tế. Trên thế giới, đó là những luật chơi mà chính phủ ban hành.

Thể chế của chế độ cổ phần có đặc điểm thể hiện tính giao thoa và biến động mạnh. Tính giao thoa thể hiện ở sự liên hệ lẫn nhau giữa chính sách của một quốc gia với phần còn lại của thế giới về những vấn đề liên quan đến hoạt động của các tổ chức thuộc kinh tế cổ phần. Do trong điều kiện hiện nay, nền kinh tế của các quốc gia phụ thuộc rất chặt chẽ vào nền kinh tế thế giới, vì vậy, khi một chính phủ xây dựng các thể chế liên quan đến hoạt động của khu vực kinh tế cổ phần thì không thể không tính tới những liên đới cần thiết, thậm chí trong nhiều trường hợp, những thể chế đó lại bị sức ép từ bên ngoài mà thành.

Thể chế của chế độ cổ phần, bên cạnh hệ thống thể chế của chính phủ, còn một hệ thống thể chế do chính các chủ thể thuộc kinh tế cổ phần tạo lập để phục vụ cho hoạt

động của khu vực này. Đây là một hệ thống phức tạp nhất, đan xen nhiều quan hệ lợi ích nhất. Hình thức thể hiện của cấu trúc thể chế này chính là hệ thống các chiến lược, quy chế hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc khu vực kinh tế cổ phần. Chính vì từng doanh nghiệp hoặc hợp tác xã cổ phần, liên doanh đều có những thể chế riêng của chúng mà tạo nên một hệ thống thể chế vô cùng phong phú và không thể giống nhau hoàn toàn trong mỗi đơn vị sản xuất kinh doanh. Hệ thống thể chế này rộng hơn nhiều lần so với hệ thống thể chế do chính phủ ban hành.

Hệ thống thể chế của chế độ cổ phần còn có thể được phân biệt dưới hình thức chính thức và phi chính thức. Thể chế chính thức, đó là những quy định mang tính luật chơi cho các chủ thể, được ban hành một cách cụ thể, công khai. Thể chế phi chính thức, đó là những quy định được ngầm hiểu hoặc không quy định thành văn, nhưng vẫn có tác động điều chỉnh hoạt động của các chủ thể sản xuất kinh doanh của khu vực cổ phần.

2) Thiết chế của chế độ cổ phần:

Đó là: những tổ chức được giao thực hiện chức năng điều tiết hoặc giám sát hoạt động của các chủ thể thuộc kinh tế cổ phần; những cơ quan quản lý Nhà nước liên quan trực tiếp đến hoạt động của các chủ thể thuộc kinh tế cổ phần, hoặc là các tổ chức của các đơn vị thuộc khu vực cổ phần lập ra để giám sát việc thực hiện các thể chế của đơn vị thuộc kinh tế cổ phần; những tổ chức có chức năng thực hiện chiến lược của các đơn vị thuộc khu vực kinh tế cổ phần.

Như vậy có thể hiểu chế độ cổ phần chính là cơ chế điều chỉnh sự vận động trên thực tế của kinh tế cổ phần với các thực thể của nó trong nền kinh tế quốc dân. Trong cơ chế đó: có những ràng buộc về cách thức hình thành

1. Về kinh tế học thể chế, xin xem thêm trong: Thể chế - cái cách thể chế và phát triển, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Chủ biên: Đinh Văn Ân, Võ Trí Thành, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002.

và phát triển các thực thể kinh tế cổ phần - như các doanh nghiệp cổ phần, các hợp tác xã cổ phần; có sự điều chỉnh sự vận động, phát triển, quan hệ phân phối lợi ích giữa các chủ thể liên quan trong quá trình vận động của các thực thể kinh tế cổ phần.

3. Về vai trò của kinh tế cổ phần trong nền kinh tế hiện đại

Kinh tế thị trường hiện nay cần được tiếp cận trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế và sự phát triển của kinh tế tri thức. Vì thế, ngoài việc đánh giá những vai trò truyền thống của kinh tế cổ phần như trước đây (như là hình thức để tích tụ tập trung nguồn vốn, là cách thức thực hiện xã hội hóa sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nhân dân, góp phần chuyển hóa hình thức sở hữu tư nhân thành sở hữu mang tính xã hội của nhiều thành viên, xã hội hóa quản lý,...), còn cần phải nhìn nhận vai trò của kinh tế cổ phần trong quá trình hội nhập và thúc đẩy sức sản xuất xã hội. Theo đó, vai trò của kinh tế cổ phần hiện nay cần nhận thức thêm bao gồm:

- Kinh tế cổ phần là một trong những tổ thành góp phần nâng cao hiệu quả của hội nhập kinh tế quốc tế.

Với vai trò này, dù ở các nước phát triển hay các nước đang phát triển, thì kinh tế cổ phần đều chứng tỏ tính trội của nó đối với hội nhập kinh tế quốc tế. Các tập đoàn kinh tế hay các công ty xuyên quốc gia (TNCs) thực chất là những công ty cổ phần. Chúng luôn có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và nâng cao khả năng thành công của hội nhập kinh tế quốc tế của các nước phát triển. Còn đối với các nước đang phát triển, một bộ phận hết sức nhạy bén của kinh tế cổ phần như cách tiếp cận trong nghiên cứu này là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dưới các hình thức liên doanh, liên kết... luôn có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ, gắn kết thị trường nội địa với thị trường toàn cầu .v.v.

- Kinh tế cổ phần là động lực để thúc đẩy sức sản xuất xã hội phát triển trong điều kiện cạnh tranh quốc tế.

Khu vực kinh tế cổ phần vốn có điểm đặc thù đó là khả năng thúc đẩy tích tụ và tập trung vốn, nguồn lực rất hiệu quả. Cho đến nay, các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới đều thuộc hình thức các tổ chức cổ phần với sự tham gia sở hữu của nhiều chủ thể khác nhau. Mô hình tổ chức của chúng cũng hết sức đa dạng. Thông thường đó là những tổ hợp công ty với công ty mẹ sở hữu số lượng cổ phần trong các công ty "con", "cháu". Thực lực của các tập đoàn này trong thúc đẩy sự phát triển sức sản xuất xã hội thể hiện ở việc chúng có sức cạnh tranh lớn, thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng, khả năng hội nhập thị trường thế giới hiệu quả. Vì thế, trong điều kiện cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt thì các công ty cổ phần có thể là khu vực có sức cạnh tranh cao, khả năng thích ứng tốt với thị trường. Với những điều kiện như vậy, các công ty cổ phần tạo điều kiện để thúc đẩy sức sản xuất trong nước; các hợp tác xã cổ phần cũng có thể là thành tố quan trọng góp phần tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm của một quốc gia nếu biết cách tổ chức và vận hành tốt mô hình này trong điều kiện hội nhập.

- Kinh tế cổ phần có vai trò quan trọng đặc biệt đối với tổ chức quản lý kinh doanh trong kinh tế thị trường hiện đại.

Với sự hậu thuẫn của thị trường chứng khoán, kinh tế cổ phần, các công ty cổ phần có ưu thế độc lập và năng động hơn loại hình công ty độc quyền kinh doanh của nhà nước (ở đây cần phân biệt độc quyền nhà nước và độc quyền kinh doanh. Độc quyền nhà nước ở một số lĩnh vực là cần thiết và quốc gia nào cũng có đặc điểm này. Tuy nhiên, biến độc quyền nhà nước thành độc quyền kinh doanh là điều đáng cần loại bỏ). Công ty cổ phần có thể phân tán được rủi ro đối với cả nhà đầu tư cũng như người trực tiếp quản lý kinh doanh,

thậm chí đối với cả người lao động. Với người lao động đó chính là sự minh bạch về sở hữu, quản lý và thu nhập, công ty cổ phần chuyển hóa người lao động thuần túy thành những người có một phần sở hữu tài sản. Từ đó hệ thống vận hành của công ty cổ phần có thể chi phối độc quyền sở hữu tối thượng của tư nhân, thậm chí là độc quyền nhà nước. Vì vậy, tiếng nói của người lao động với tư cách là cổ đông sẽ góp phần chi phối đến những quyết định của những người quản lý trong các hình thức tổ chức cổ phần.

4. Xu hướng vận động của kinh tế cổ phần ngày nay

Hiện nay trên thế giới, xu thế phát triển khu vực kinh tế cổ phần diễn biến theo hai hướng:

- *Chiều hướng thứ nhất, hình thức tổ chức kinh tế mang tính cổ phần ngày càng phát triển mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh (kể cả dịch vụ); vai trò của khu vực kinh tế cổ phần ngày càng trở nên quan trọng đối với các quốc gia phát triển cũng như đang phát triển.*

Các tổ chức cổ phần không đơn thuần chỉ là các công ty cổ phần, chúng còn có nhiều hình thức khác như hợp tác xã cổ phần v.v... Trong luật pháp của từng quốc gia thì công ty cổ phần là các pháp nhân độc lập. Để bảo vệ lợi ích đối với các chủ nợ, luật pháp nhiều nước buộc công ty cổ phần phải thành lập quỹ dự trữ. Tại Mỹ, ngoài những công ty cổ phần thường thấy như các quốc gia khác, còn xuất hiện các hình thức cổ phần do các chức nghiệp thành lập công ty cổ phần theo nghề nghiệp của mình. Các công ty này không giới hạn trách nhiệm của các cổ đông mà chủ yếu được thành lập ra để lợi dụng quy định chậm nộp thuế - vốn được dành cho các công ty cổ phần. Loại công ty chức nghiệp này cũng có ở các quốc gia khác - như ở Philipin với tên gọi hiệp hội kinh doanh, hội viên của tổ chức này là các kế toán viên và luật gia.

Ngày nay, người ta thấy rằng, về mặt lý thuyết, ở các nước tư bản phát triển có nhiều loại công ty cổ phần. Có nước chia

thành công ty và công ty tư doanh như ở Anh, Philipin; quốc gia khác lại không phân ranh giới như vậy mà chỉ gọi là công ty vô danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty hợp danh... Các nước có nền kinh tế chuyển đổi thì thực hiện đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước; thực tiễn cho thấy việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước đã đem lại sức sống mới cho các doanh nghiệp này. Cho nên về thực chất, kinh tế cổ phần là tổ thành của nhiều loại hình các tổ chức cổ phần khác nhau và chúng ngày càng phát triển. Sự phát triển của các tổ chức mang tính cổ phần như vậy, đương nhiên chúng giải quyết được những vấn đề quan trọng của nền kinh tế các quốc gia. Do đó, chúng có ý nghĩa quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- *Chiều hướng thứ hai, sự chuyển biến sở hữu kéo theo sự thay đổi vị thế của chủ thể sở hữu trong các tổ chức kinh tế cổ phần.*

Sở hữu trong các tổ chức kinh tế cổ phần hiện nay cũng như những năm tới là một chế độ phức hợp gồm nhiều chủ thể cùng tham dự khác nhau. Nếu như trước đây, sở hữu của các tập đoàn cổ phần thông thường là của các chủ sở hữu tư bản lớn, thì ngày nay các chủ thể tham dự vào giá trị tài sản của các tổ chức cổ phần hết sức đa dạng. Xu hướng mở rộng sự tham gia vào sở hữu cổ phần của nhiều chủ thể trong đó sẽ gia tăng dần hàm lượng giá trị tài sản thuộc sở hữu của người lao động trong các công ty, tổ chức cổ phần. Có nhiều nguyên nhân tác động dẫn đến sự biến đổi cơ cấu chủ thể trong các tổ chức kinh tế cổ phần. Trong đó phải kể đến nguyên nhân quan trọng đó là sự phát triển lực lượng sản xuất, của khoa học, công nghệ, của cạnh tranh..., đã làm cho quá trình tích tụ và tập trung vốn trong các tổ chức cổ phần ngày càng lớn, đòi hỏi phải đa dạng hóa, thu hút nhiều chủ thể tham gia, làm cho giá trị tài sản của từng chủ thể khó có thể chiếm tỷ trọng lớn như trước. Tuy nhiên chi phối hoạt động của công ty vẫn

thuộc về những người nắm cổ phần khổng lồ.

5. Kinh tế cổ phần, chế độ cổ phần và chủ nghĩa xã hội

Nói kinh tế cổ phần là đề cập tới một bộ phận của nền kinh tế có các thực thể sản xuất kinh doanh theo hình thức cổ phần. Bộ phận này là kết quả tất yếu khách quan của quá trình xã hội hóa sở hữu do sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

Còn nói tới chế độ cổ phần hàm ý là đề cập tới sản phẩm chủ quan do nhà nước thiết lập nhằm điều chỉnh các quan hệ kinh tế trong kinh tế cổ phần. Lẽ dĩ nhiên, về mặt nguyên lý, sản phẩm chủ quan ấy vẫn là phản ánh sự phát triển khách quan của kinh tế cổ phần, của lực lượng sản xuất - nếu chủ thể nhà nước nhận thức đúng. Điều đó có nghĩa là, chế độ cổ phần không phải là sản phẩm của ý chí chủ quan phi thực tế, có thể thiết lập một cách tùy tiện.

Vai trò của kinh tế cổ phần đối với chủ nghĩa xã hội có thể xem xét trên hai khía cạnh: 1) kinh tế cổ phần và xã hội hóa sở hữu, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội; 2) kinh tế cổ phần và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước đây, ở Việt Nam cũng như các nước xã hội chủ nghĩa khác không thực hiện kinh tế cổ phần và do đó không tạo lập chế độ cổ phần, coi đó là một phương thức kinh doanh của chủ nghĩa tư bản. Tư duy này hiện nay đã bị thực tế phủ định. Kinh tế thị trường là sản phẩm của nhân loại, do đó, những hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với sự vận động của cơ chế thị trường, trong đó có kinh tế cổ phần, đều có thể kế thừa và phát triển ở các quốc gia thực hiện kinh tế thị trường.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội phải là nền sản xuất lớn xã hội hóa. Kinh tế cổ phần với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh đa dạng - như công ty

cổ phần, hợp tác xã cổ phần.v.v... đều góp phần thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất theo hướng xã hội hóa ngày càng cao. Điều này đã được thực tế chứng minh trong các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản. Đối với Việt Nam, trong thời gian qua, kinh tế cổ phần (dưới nhiều hình thức) đã góp phần thúc đẩy sức sản xuất của nền kinh tế, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Như vậy, kinh tế cổ phần không đối lập với chủ nghĩa xã hội; *kinh tế cổ phần là cách thức thực hiện chủ nghĩa xã hội trong điều kiện sở hữu tư nhân còn phát huy tác dụng đối với sự phát triển lực lượng sản xuất và là loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với bản chất của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới chủ nghĩa xã hội.*

Chế độ cổ phần góp phần thúc đẩy việc tích tụ và tập trung nguồn lực, trước hết là nguồn vốn cho nhu cầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân. Chế độ cổ phần cho phép thực hiện việc tách quyền sở hữu với quyền sử dụng, tách chủ sở hữu với chủ sản xuất kinh doanh. Nói cách khác, *chế độ cổ phần là hình thức tổ chức vốn của xí nghiệp hiện đại, có lợi cho việc tách quyền sở hữu với quyền kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của xí nghiệp và tiền vốn.* Chế độ cổ phần tạo ra khả năng cho phép nhà nước thông qua việc nắm cổ phần chi phối trong công ty lớn, quan trọng, có thể điều khiển, chi phối được nền kinh tế mà không cần thiết phải can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể. Vấn đề là ở chỗ nhà nước quản lý phần vốn góp trong doanh nghiệp cổ phần như thế nào cho hiệu quả mà thôi.

Chế độ cổ phần là điều kiện thuận lợi cho sự thành lập các tập đoàn kinh doanh quy mô lớn trong điều kiện kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập. Khi đó, các tập đoàn kinh tế sẽ là nòng cốt trong sức mạnh kinh tế nhà nước, tạo tiềm lực vật chất để kinh tế nhà nước vươn lên giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Theo đó,

chế độ cổ phần phù hợp với mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, *kinh tế cổ phần và do đó chế độ cổ phần là nội dung kinh tế của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện sở hữu tư nhân còn phát huy tác dụng đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất*. Tuy nhiên cần chú ý, kinh tế cổ phần được bàn định trên đây là hình thức kinh tế cổ phần phát triển một cách tự nhiên gắn với quá trình xã hội hóa sở hữu, phản ánh sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Hình thức kinh tế cổ phần được hình thành bởi quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước là biến thái của sự phát triển kinh tế cổ phần, là sự phát triển không tự nhiên của kinh tế cổ phần trong điều kiện kinh tế thị trường, là tốt cho chủ nghĩa xã hội; song mấu chốt là làm thế nào để tác động tích cực của nó diễn ra nhiều hơn. Do vậy có lý do để tin rằng, kinh tế cổ phần không hẳn là thần dược trị bách bệnh đối với việc nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước nếu việc cổ phần hóa DNNN được tiến hành một cách chủ quan, thiếu những biện pháp và cách thức tiến hành đúng đắn.

6. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu có thể khái quát một số đặc trưng của kinh tế cổ phần: *kinh tế cổ phần là loại hình kinh tế được hình thành dựa vào góp vốn cổ phần của nhiều chủ thể (cổ đông) trên cơ sở tách quyền sở hữu vốn với quyền sử dụng vốn, hình thành pháp nhân mới độc lập có quyền tài sản riêng để chủ động sản xuất kinh doanh*; kinh tế cổ phần với nhiều loại hình đa dạng từ thấp đến cao (hợp tác xã cổ phần, các công ty cổ phần v.v...); kinh tế cổ phần không phải là một thành phần kinh tế mà là loại hình kinh tế sở hữu hỗn hợp trong nền kinh tế thị trường và khu vực kinh tế này có xu hướng phát triển ngày càng lớn mạnh hơn so với khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước; kinh tế cổ phần là hình thức xã hội hóa sở hữu, đa dạng hóa

các chủ thể kinh tế, xã hội lao động, xã hội hóa quản lý v.v...

Phát triển kinh tế cổ phần là xu hướng tất yếu phù hợp với quá trình xã hội hóa sở hữu dưới tác động của sự phát triển lực lượng sản xuất và khoa học công nghệ trong nền kinh tế thị trường.

Chế độ cổ phần được quan niệm là hệ thống những thể chế và thiết chế được tạo lập bởi chính phủ hoặc của bản thân các chủ thể sản xuất kinh doanh của kinh tế cổ phần nhằm tác động và điều chỉnh hoạt động của khu vực kinh tế cổ phần. Phát triển kinh tế cổ phần là cách thức tốt nhất để biến người lao động làm thuê, không có tài sản thành người lao động liên hiệp (mang tính xã hội) hữu sản (sở hữu cổ phần); biến nhà tư bản (hữu sản) thành người góp vốn cổ phần (bảo toàn tài sản) và hưởng lợi tức; làm cho nhà nước trở thành cổ đông, tách bạch được chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng chủ đầu tư nhưng vẫn phát huy được vai trò điều tiết của mình thông qua nắm cổ phần chi phối. Phát triển kinh tế cổ phần là cách thức thực hiện chủ nghĩa xã hội trong điều kiện sở hữu tư nhân còn phát huy tác dụng đối với lực lượng sản xuất. Kinh tế cổ phần không đối lập với CNXH mà chính là cách thức tốt để chuyển phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất tập thể - phương thức sản xuất mới của xã hội tương lai - điều mà C.Mác đã tiên đoán!

Như vậy, phát triển kinh tế cổ phần (thông qua cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển đổi hợp tác xã sang mô hình hợp tác xã cổ phần) ở nước ta cho ta gợi ý về con đường cải tạo tư bản chủ nghĩa (không phải bằng bạo lực) và câu trả lời cho mong muốn mà Văn kiện Nghị quyết của Đảng đề ra: "Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân" có thể trở thành hiện thực một khi chúng ta thực hiện thành công việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phát triển các loại hình

hợp tác xã cổ phần kiểu mới theo hướng kinh tế cổ phần.

Vì vậy, cần nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của kinh tế cổ phần trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta, coi đây là xu hướng chủ đạo phù hợp với xu thế chung của thời đại, từ đó quán triệt sâu sắc chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, phát triển các hợp tác xã kiểu mới của Đảng và Nhà nước ta trong các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân; đồng thời đề ra được phương hướng và các giải pháp phù hợp đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phát triển hợp tác xã kiểu mới nhằm thực hiện tốt chủ trương nói trên. Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế quốc tế và Việt Nam trở thành thành viên của WTO, đây là cơ hội tốt cho nền kinh tế nói chung và cho việc phát triển kinh tế cổ phần mà chúng ta cần phải nắm lấy.

Khi kinh tế cổ phần phát triển mạnh mẽ, trở thành phổ biến trong nền kinh tế, thu

hút được các thành phần kinh tế trong và ngoài nước cùng đông đảo người dân tham gia, thể hiện xã hội hóa sở hữu và sự phát triển cao của lực lượng sản xuất, của khoa học, công nghệ - khi đó, nó sẽ đóng vai trò nền tảng định hướng cho sự phát triển nền kinh tế thị trường XHCN ở nước ta./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. C.Mác và Ph.Ăng-Ghen, Toàn tập, Tập 25, phần I. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1994.
2. Một trăm câu hỏi và trả lời về chế độ doanh nghiệp hiện đại. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. Cheslyn Motetr. South Africa's Restructuring of State Owned Enterprises. Published by FES. Johannesburg 2002.
4. Tô thị Thanh Toàn, Quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường ở các quốc gia Trung và Đông Âu. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.
5. Chủ nghĩa tư bản này nay, những nét mới từ thực tiễn Mỹ, Tây Âu, Nhật. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
6. Những thách thức của quản lý trong thế kỷ XXI. Nxb Trẻ, TpHCM, 2004.